

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VF4)

- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2007 và chỉnh sửa, bổ sung ngày 24/11/2010;
- Căn cứ vào Thông tư số 224/2012/TT-BTC được Bộ Tài chính thông qua ngày 26/12/2012;
- Căn cứ vào Giấy phép thành lập Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam số 11/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/02/2008;
- Căn cứ vào Biên bản Đại hội nhà đầu tư bất thường của Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ngày 06/9/2013.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 đã kiểm toán của Quỹ đầu tư VF4

Đại hội thông qua báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 đã kiểm toán của Quỹ đầu tư VF4.

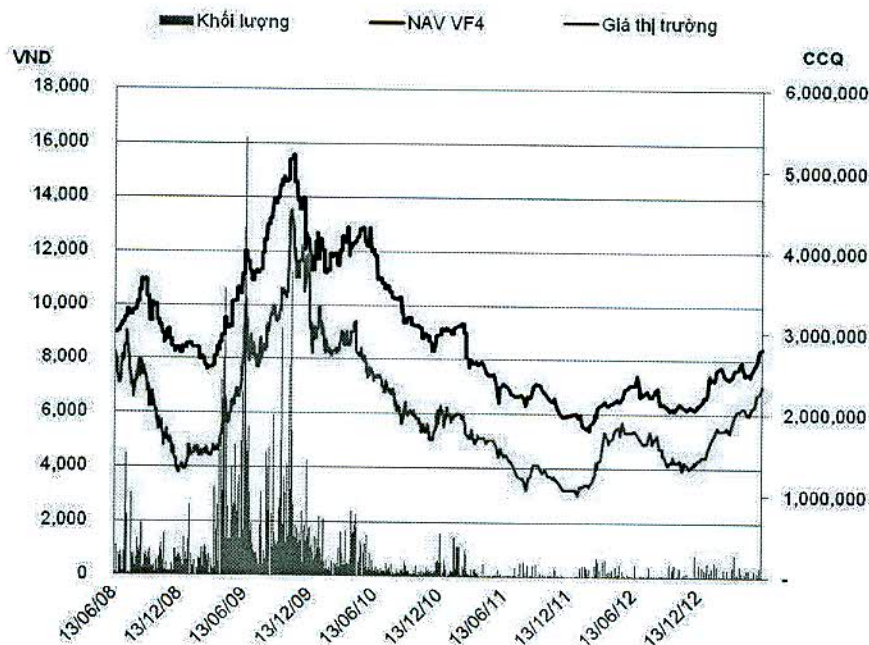
Điều 2: Phương án Chuyển đổi chi tiết của Quỹ đầu tư VF4 từ quỹ đóng sang quỹ mở

Đại hội thông qua Phương án Chuyển đổi chi tiết của Quỹ đầu tư VF4 từ quỹ đóng sang quỹ mở.

PHẦN I: LÝ DO, MỤC ĐÍCH VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHUYỂN ĐỔI QUỸ ĐẦU TƯ VF4

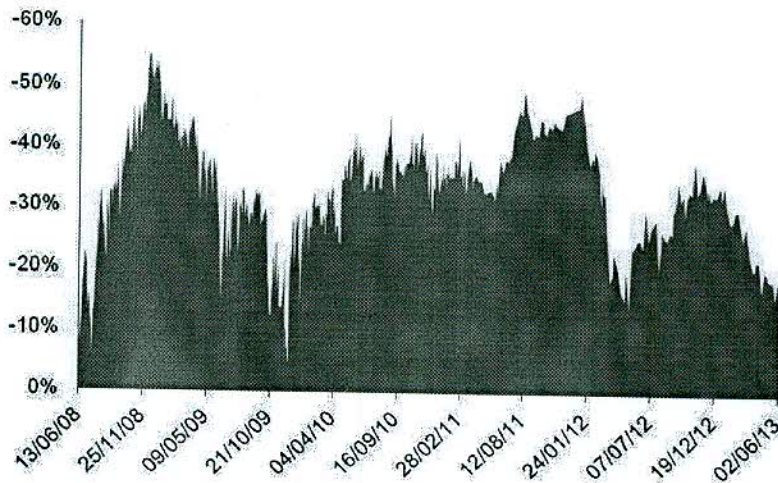
1. Hiện trạng về giao dịch chứng chỉ quỹ đầu tư VF4

Đồ thị biến động NAV, giá giao dịch và khối lượng giao dịch



Đồ thị biến động tỷ lệ chiết khấu

Chênh lệch NAV so với giá thị trường



- Thanh khoản của chứng chỉ quỹ VFMVF4 duy trì ở mức trung bình gần 100.000 chứng chỉ quỹ được khớp lệnh mỗi ngày trong 6 tháng đầu năm 2013, tương đương với 0.1% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
- Do ảnh hưởng sụt giảm của thị trường chứng khoán Việt Nam từ 2008 đến nay, hầu hết các quỹ đầu tư tại Việt Nam hoạt động theo hình thức quỹ đóng đều có mức chiết khấu giữa NAV và thị giá giao dịch khá cao, có khi lên đến trên 50%. Không nằm ngoài tác động chung, mức chiết khấu của chứng chỉ quỹ VFMVF4 trong 2012 trung bình là 30% (dao động từ 14% đến 50%). Theo số liệu cập nhật ngày 30-06-2013, mức chiết khấu trung bình của chứng chỉ quỹ VFMVF4 trong nửa đầu năm 2013 là 23%.

2. Mục đích của việc chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4

2.1 Tăng tính thanh khoản cho giao dịch chứng chỉ quỹ VF4

Hiện nay, tính thanh khoản của chứng chỉ quỹ VF4 đang ở mức khá thấp so với khối lượng lưu hành do sự thiếu hấp dẫn của chứng chỉ quỹ thuộc hình thức Quỹ đóng so với cổ phiếu niêm yết. Việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ VF4 từ Quỹ đóng sang Quỹ mở sẽ giúp tăng tính thanh khoản cho chứng chỉ quỹ VF4 vì nhà đầu tư có thể giao dịch mua/bán trực tiếp với công ty quản lý quỹ tại các thời điểm giao dịch.

2.2 Loại bỏ tỷ lệ chiết khấu giữa thị giá giao dịch và giá trị tài sản ròng (NAV)

Trong thời gian qua, tỷ lệ chiết khấu giữa thị giá giao dịch và NAV đang ở mức cao đối với các quỹ đóng. Khi thực hiện chuyển đổi quỹ đầu tư VF4 thành quỹ mở, nhà đầu tư sẽ được quyền giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo giá trị NAV trực tiếp với công ty quản lý quỹ, như vậy tỷ lệ chiết khấu giữa thị giá và NAV được loại bỏ, quyền lợi của nhà đầu tư được đảm bảo hơn.

2.3 Tạo cơ chế thu hút tiền vào Quỹ trong trường hợp phát sinh nhu cầu từ nhà đầu tư

Theo quy định của uỷ ban chứng khoán hiện hành, chứng chỉ quỹ đóng chỉ được chào bán một lần duy nhất trong thời gian huy động vốn lần đầu, và không phát hành liên tục sau đó cho nhà đầu tư mới. Vì vậy, nếu nhà đầu tư mới muốn thực hiện mua chứng chỉ quỹ, thì phải thực hiện giao dịch thông qua sàn chứng khoán, và không có thêm một lượng tiền nào mới đầu tư vào quỹ. Tuy nhiên, chứng chỉ quỹ mở có thể được giao dịch thường xuyên, liên tục khi nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư mới hoặc đầu tư thêm vào quỹ. Như vậy, lượng tiền đầu tư mới vào quỹ sẽ giúp tăng thêm giá trị của quỹ và tạo thêm tính thanh khoản cho thị trường.

3. Căn cứ pháp lý của việc chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4

Việc chuyển đổi Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của những văn bản pháp luật sau:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012.
- Nghị định 85/2010/NĐ-CP ngày 02/8/2010 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

PHẦN II: CÁC THAY ĐỔI, PHÁT SINH TỪ VIỆC CHUYỂN ĐỔI QUỸ ĐẦU TƯ VF4

4. Chiến lược đầu tư, cơ cấu đầu tư của Quỹ sau khi chuyển đổi

Mục tiêu của Quỹ đầu tư VF4 dạng quỹ mở là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục đầu tư của quỹ sẽ được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ.

Chiến lược đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 dạng Quỹ mở là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm (nhưng không giới hạn) như: thực phẩm & nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng- bất động sản.... Những doanh nghiệp được lựa chọn luôn nằm trong top 20 doanh nghiệp hàng đầu của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đó đang hoạt động. Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ.

Ngoài ra, để tối ưu hóa lợi nhuận cũng như giảm thiểu rủi ro cho nguồn vốn đầu tư Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ bao gồm (nhưng không giới hạn): trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu thương và trái phiếu chuyển đổi của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam... giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

1. Cơ cấu đầu tư:

Quỹ VFMVF4 sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính;
- Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu hoặc trái phiếu, chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Chứng khoán phát sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với chứng khoán trong danh mục của quỹ;
- Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

2. Lĩnh vực đầu tư:

Với chiến lược đầu tư như đã đề cập ở trên, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian dựa theo tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu và tùy vào mức độ thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư VFMVF4. Cơ cấu tỷ trọng theo ngành nghề thay đổi phụ thuộc vào thanh khoản của thị trường và tỷ trọng các khoản đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại quy định về Hạn chế đầu tư. Các ngành nghề bao gồm:

- Thực phẩm - Nước giải khát
- Hàng tiêu dùng
- Bán lẻ
- Vật liệu - Khai khoáng
- Năng lượng
- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- Hàng hóa công nghiệp
- Tiện ích công cộng
- Bảo hiểm
- Dược phẩm
- Dệt may- Thiết bị phụ tùng
- Vận tải

Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của quỹ VFMVF4 phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 10 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (như được trình bày tại khoản 1, 2 điều này).
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFMVF4 bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
 - a) Không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 10 Điều lệ quỹ (tương ứng với mục 4.1. Cơ cấu đầu tư ở trên);
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f khoản 1 Điều 10 Điều lệ quỹ, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Điều lệ quỹ;
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu chính phủ);
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ quỹ;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định tại khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;

- c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.
 - d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 10 Điều lệ quỹ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
- 5. Thay đổi Ngân hàng giám sát, lưu ký của Quỹ sau khi chuyển đổi**

5.1 Ngân hàng giám sát, lưu ký hiện tại

Ngân hàng lưu ký, giám sát hiện tại của Quỹ đầu tư VF4 là Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập số 235/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18/03/2008, và công văn số 2369/UBCK-QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Trụ sở Ngân hàng giám sát tại Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 38292288, Fax: (84-8) 62563635

5.2 Giới hạn trong vấn đề cung cấp dịch vụ cho quỹ chuyển đổi

Theo chính sách của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), vào thời điểm hiện nay, Ngân hàng HSBC Việt Nam chỉ được phép cung cấp cùng một lúc 04 dịch vụ (giám sát, lưu ký, quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng) cho quỹ mở. Việc chỉ cung cấp 03 dịch vụ (giám sát, lưu ký, quản trị quỹ) cho quỹ mở tại Việt Nam đang trong quá trình được Tập đoàn HSBC xem xét và phê duyệt.

5.3 Lý do của việc chọn Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Việc chọn Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng tạo sự thuận lợi hơn cho nhà đầu tư Quỹ chuyển đổi trong việc thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ.

5.4 Ngân hàng giám sát, lưu ký dự kiến

Với các lý do đã trình bày trên, công ty quản lý quỹ đề xuất chọn Ngân hàng Deutsche Bank AG – chi nhánh TPHCM là Ngân hàng giám sát, lưu ký của Quỹ chuyển đổi.

6. Tổ chức cung cấp dịch vụ cho quỹ VF4 sau chuyển đổi

6.1 Các dịch vụ cần được cung cấp

Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ, bao gồm các dịch vụ sau:

- 6.1.1 Dịch vụ lưu ký: thực hiện lập và duy trì tài khoản lưu ký, tài khoản tiền, hồ sơ chứng khoán. Lưu giữ an toàn tài sản của Quỹ.

- 6.1.2 **Dịch vụ giám sát:** thực hiện xác nhận Giá trị tài sản ròng của Quý, xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản Quý phù hợp với tài liệu Quý. Giám sát cần thiết việc tuân thủ các hoạt động của Quý phù hợp với tài Liệu Quý.
- 6.1.3 **Dịch vụ quản trị quỹ (FA):** thực hiện lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quý; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quý. Lập báo cáo tài chính cho Quý. Thực hiện xác định Giá trị tài sản ròng của Quý và Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị dựa trên chính sách kế toán của Quý phù hợp với các tài liệu Quý.
- 6.1.4 **Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (TA):** thực hiện lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở; ghi nhận các lệnh giao dịch của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động quỹ và các tài liệu khác cho nhà đầu tư.

6.2 Sự khác biệt giữa việc cung cấp dịch vụ cho Quý mở và Quý đóng

Quý mở và Quý đóng đều sử dụng giống nhau các dịch vụ bao gồm: Dịch vụ lưu ký, giám sát và Dịch vụ quản trị quỹ (FA).

Điểm khác biệt cơ bản nhất sử dụng dịch vụ quỹ giữa Quý đóng và Quý mở là Quý mở bắt buộc phải sử dụng Dịch vụ đại lý chuyển nhượng (TA), trong khi Quý đóng thì không sử dụng dịch vụ này. Đối với Quý mở vai trò dịch vụ TA thực hiện tạo tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư, thực hiện các giao dịch và xác nhận giao dịch cho nhà đầu tư, giống như vai trò của Trung tâm Lưu ký (VSD).

Còn đối với Quý đóng, chứng chỉ quỹ đóng được xem như là một loại chứng khoán niêm yết, do vậy nhà đầu tư không nhất thiết phải mở thêm một tài khoản dành cho giao dịch chứng chỉ quỹ. Việc giao dịch chứng chỉ quỹ đóng được thực hiện trên thị trường chứng khoán và xác nhận giao dịch được thực hiện tại VSD.

6.3 Tổ chức cung cấp dịch vụ dự kiến

- 6.3.1 Dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký: do Ngân hàng Deutsche Bank AG – chi nhánh TPHCM cung cấp
- 6.3.2 Dịch vụ Quản trị quỹ: do Ngân hàng Deutsche Bank AG – chi nhánh TPHCM cung cấp
- 6.3.3 Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng: do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam cung cấp

7. Thay đổi Điều lệ tương ứng với Điều lệ mẫu của Quý mở

7.1 Những nội dung chính cần thay đổi của Điều lệ

- 7.1.1 Tên gọi của Quý: giữ nguyên tên gọi trước đây như của Quý đóng, chỉ thay đổi tên viết tắt của Quý chuyển đổi để thống nhất cho các sản phẩm quỹ mở của Công ty quản lý quỹ. Tên gọi của Quý chuyển đổi là “Quỹ đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (Quỹ VFMVF4)”.
- 7.1.2 Mục đích của Quý: sẽ có thay đổi cho phù hợp với chiến lược hoạt động mới của Quý sau khi chuyển đổi, nếu cần thiết.
- 7.1.3 Thời hạn hoạt động: theo quy định pháp luật về Quý mở, Quý chuyển đổi không bị giới hạn thời hạn hoạt động như Quý đóng.
- 7.1.4 Nguyên tắc tổ chức: Do bản chất Quý mở khác Quý đóng, do đó, phải bổ sung thêm phần nguyên tắc “trong suốt thời hạn hoạt động, Quý mở có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành”.
- 7.1.5 Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quý chào bán: Đối với loại hình Quý mở, việc xác định tổng vốn và số lượng chứng chỉ Quý lưu hành tối thiểu là điều bắt buộc.
- 7.1.6 Chiến lược đầu tư, hạn chế đầu tư, hạn mức vay: sẽ thay đổi cho phù hợp tính chất hoạt động của Quý mở và yêu cầu của quy định pháp luật về Danh mục/ hoạt động của Quý mở.

- 7.1.7 Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư: sẽ phải thay đổi cho phù hợp với bản chất của loại hình Quỹ mở, quan trọng nhất là phải bổ sung "nhà đầu tư có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt quỹ mua lại chứng chỉ quỹ mở hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở".
- 7.1.8 Giao dịch chứng chỉ quỹ, mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ, giá bán, giá mua lại là quy định mới được bổ sung theo quy định pháp luật về quỹ mở.
- 7.1.9 Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư: theo quy định pháp luật về Quỹ mở, Nhà đầu tư có quyền yêu cầu Quỹ mua lại chứng chỉ quỹ khi nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội. Đây là quy định không áp dụng đối với Quỹ đóng, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.
- 7.1.10 Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ: Theo quy định của Quỹ mở, phần này được quy định chi tiết nhiều trách nhiệm hơn so với loại hình Quỹ đóng, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.
- 7.1.11 Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Đại lý phân phối: Theo quy định của Quỹ mở, phần này là quy định mới, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.
- 7.1.12 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng: Phần này trong Quỹ mở quy định chi tiết hơn, phù hợp với thực tế của hoạt động xác định giá trị tài sản ròng, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.
- 7.1.13 Quy trình định giá tài sản Quỹ: Theo quy định của Quỹ mở, phần này là quy định mới và thực tiễn phối hợp hoạt động giữa NHGS - Quỹ - Đại lý phân phối - Nhà đầu tư, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.
- 7.1.14 Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư: Theo quy định của Quỹ mở, phần này được quy định chi tiết, cụ thể hơn về các trường hợp mà Công ty quản lý quỹ sẽ đền bù thiệt hại cho Quỹ, hoặc Quỹ sẽ đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, so với Quỹ đóng, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.
- 7.1.15 Các loại phí (phí phát hành lần đầu, phí phát hành các lần tiếp theo, phí mua lại, phí chuyển đổi, phí lưu ký giám sát, phí cho dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng): Theo quy định của Quỹ mở, phần này được quy định chi tiết và có nhiều phần mới so với Quỹ đóng, nên cần được bổ sung trong Điều lệ quỹ chuyển đổi.

Với sự thay đổi của các nội dung này, công ty quản lý quỹ đề xuất sẽ chỉnh sửa và trình thông qua Điều lệ mới theo đúng cấu trúc Điều lệ mẫu Quỹ mở mà pháp luật quy định, không sử dụng lại cấu trúc Điều lệ hiện tại do có khác biệt quá nhiều về cấu trúc giữa Điều lệ mẫu Quỹ đóng và Điều lệ mẫu Quỹ mở.

7.2 Nội dung chi tiết của Điều lệ

Các thông tin chi tiết sẽ được tham chiếu tới Điều lệ Quỹ VFMVF4 (Quỹ chuyển đổi).

8. Chi phí chuyển đổi

Các chi phí dự kiến phát sinh liên quan đến việc chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4 bao gồm:

Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Chi phí kiểm toán	1	155.595.000	155.595.000
Tổng cộng (1)			155.595.000
I. THUÊ PHÒNG HỢP VÀ TỔ CHỨC			
Phí thuê phòng họp tại KS Grand	1	25.641.000	25.641.000
Phí teabreak	180	150.150	27.027.000
Phí tổ chức chương trình	1	109.000.000	109.000.000

Tổng cộng (2)			161.668.000
II. CÔNG BỐ THÔNG TIN			
Đăng báo ĐTCK (CBTT) v.v tổ chức ĐH	1	5.500.000	5.500.000
Phí chốt DS NĐT tham dự ĐH trả cho VSD	1	16.500.000	16.500.000
Phí gửi thư mời NĐT tham dự ĐH - CPN	50	16.370	818.500
Phí gửi thư mời NĐT tham dự ĐH - Bưu điện	3.000	3.300	9.900.000
Tổng cộng (3)			32.718.500
III. CHI PHÍ TÀI LIỆU			
Photo tài liệu tại ĐH	180	40.480	7.286.400
Báo cáo kiểm toán (40 trang) - In 1 màu	3.000	9.020	27.060.000
Phương án chuyển đổi (28 trang) - In 1 màu	3.000	6.800	20.400.000
Tổng cộng (4)			54.746.400
IV. CHI PHÍ KHÁC			
Thực hiện web banner (nếu có)	1	5.500.000	5.500.000
Đóng gói bao thư. dán nhãn	3.000	1.100	3.300.000
Bao thư lớn	3.000	1.944	5.832.000
Label dán bao thư	5	467.500	2.337.500
Backup (5%) trên chi phí mục II. và III.			5.000.000
Tổng cộng (5)			21.969.500
Tổng chi phí (1) + (2) + (3) + (4) + (5)			426.697.400

* Ghi chú: chi phí này đã bao gồm VAT.

9. Tính thừa kế quyền, nghĩa vụ của Quỹ hiện hữu

9.1 Quyền và nghĩa vụ của Quỹ sau khi chuyển đổi:

Quỹ chuyển đổi kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Quỹ đầu tư VF4 trước khi thực hiện chuyển đổi, chẳng hạn như: quyền sở hữu những cổ phiếu, trái phiếu, cổ tức, quyền phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu thuộc sở hữu của Quỹ đầu tư VF4, nghĩa vụ thanh toán những khoản nợ đến hạn của Quỹ đầu tư VF4.

9.2 Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư sau khi chuyển đổi:

9.2.1 Nhà đầu tư có các quyền sau đây:

- Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
- Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- Yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ mua lại chứng chỉ quỹ mở hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở;
- Các quyền khác quy định tại Điều lệ quỹ.

9.2.2 Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

- Thanh toán đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
- Các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

10. Sự khác biệt về chi phí nhà đầu tư trước và sau khi chuyển đổi

10.1 Chi phí của nhà đầu tư sau khi chuyển đổi

Sau khi chuyển đổi sang hình thức quỹ mở, Quỹ chuyển đổi VFMVF4 sẽ có một số loại phí sau:

10.1.1 Chi phí do nhà đầu tư trả trực tiếp

10.1.1.1 Phí phát hành chứng chỉ quỹ tại các lần giao dịch sau khi chuyển đổi

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch sau khi Quỹ được chuyển đổi thành quỹ mở. Phí này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVF4.
- Phí phát hành cho kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi là 1%/ tổng giá trị đăng ký mua.

Trong trường hợp công ty quản lý quỹ có chính sách khuyến mại dẫn đến sự thay đổi phí phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối.

10.1.1.2 Phí mua lại

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, sau khi Quỹ được chuyển đổi. Phí này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Phí mua lại chứng chỉ quỹ tại những kỳ giao dịch được áp dụng như sau:
 - Phí mua lại là 2%/ giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trong vòng 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày mua.
 - Phí mua lại là 1%/ giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ trên 12 tháng (365 ngày) đến 24 tháng (730 ngày) kể từ ngày mua.
 - Phí mua lại là 0,5%/ giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trên 24 tháng (730 ngày) kể từ ngày mua.
 - Đối với số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ tại ngày chốt danh sách để hủy niêm yết chứng chỉ quỹ đóng, thực hiện chuyển đổi sang quỹ mở: Phí mua lại được áp dụng là 0,5%/ giá trị bán thực hiện được.
- Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO).

10.1.1.3 Phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư phải trả phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ VF4 được chuyển đổi.
- Nhà đầu tư không phải trả Phí phát hành và Phí mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- Phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ là 0,3%/ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.

10.1.2 Chi phí do Quỹ chi trả

10.1.2.1 Phí quản lý quỹ

- Phí quản lý tối đa là 2%/ giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVF4/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVF4. Tỷ lệ phí quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm

bảo tổng phí quản lý quỹ và các phí khác mà Quý chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quý. Phí quản lý áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cho Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ không trễ hơn kỳ định giá đầu tiên sau khi Quý được chuyển đổi.

- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

10.1.2.2 *Phí giám sát và lưu ký*

- Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quý.
- Phí giám sát không vượt quá 0,04% NAV/năm.
- Phí lưu ký không vượt quá 0,03% NAV/năm.
- Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

10.1.2.3 *Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ*

- Phí giao dịch trả cho Ngân hàng lưu ký
 - Phí giao dịch chứng khoán không vượt quá 160.000 đồng/ một giao dịch mua/ bán chứng khoán và không quá 0,06% NAV/năm.
 - Phí dịch vụ đăng ký :
 - Từ cổ phiếu chưa niêm yết sang niêm yết : 3.150.000 đồng/giao dịch
 - Từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu : 6.300.000 đồng/giao dịch
 - Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các giao dịch thực hiện trong tháng.
- Phí giao dịch khác
 - Bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.

Các chi phí này sẽ được thanh toán theo thực tế phát sinh.

10.1.2.4 *Phí dịch vụ quản trị quỹ*

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí được trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ VFMVF4.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ không quá 0,04% NAV/năm và được chi trả hàng tháng.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

10.1.2.5 *Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng (Transfer Agency - TA)*

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức phí được chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quý. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng, bao gồm những dịch vụ đã được nêu tại mục 6.1.4 của Phương án chuyển đổi.
 - a. Phí duy trì nhà đầu tư là 10 triệu đồng/ tháng được tính (phân bổ) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng và được trả hàng tháng.

- Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi và được trả hàng tháng.
- Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm
- ❖ Mức phí và phương pháp thanh toán phí được sẽ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng .
- ❖ Các mức phí tối thiểu:
 - Phí lưu ký là 10.5 triệu đồng/ tháng
 - Phí quản trị quỹ là 10.5 triệu đồng/ tháng
 - Phí giám sát là 16.8 triệu đồng/ tháng

10.1.2.6 Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
2. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
4. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
5. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
6. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
7. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
8. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
9. Chi về bảo hiểm (nếu có);
10. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
11. Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
12. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật;
13. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2 So sánh chi phí của Quỹ trước và sau khi chuyển đổi

Sau đây là bảng so sánh các loại phí của Quỹ trước và sau khi được chuyển đổi (Phí sau khi chuyển đổi được ước tính dựa trên BCTC năm 2012, NAV tại ngày 31/12/2012 là 534 tỷ và bản chào phí của Ngân hàng cung cấp dịch vụ tương ứng với quy mô của Quỹ VF4 năm 2012):

Số TT	Tên chi phí	Trước	Sau
		(Báo cáo kiểm toán 2012)	(theo chào phí của NH Deutsche Bank)
I	Các chi phí cơ bản cho cả hai loại hình quỹ	12.969.130.712	13.089.711.367
1	Phí quản lý quỹ trả cho Cty Quản lý Quỹ	10.409.349.877	10.332.900.000
2	Phí lưu ký trả cho Ngân hàng	430.198.396	278.117.899
3	Phí giám sát trả cho Ngân hàng	114.502.849	205.590.000
4	Chi phí hợp đại hội	288.062.934	330.747.379

5	Chi phí kiểm toán	312.512.473	259.325.000
6	Phí và chi phí khác	1.414.504.183	1.683.031.089
II	Các chi phí chỉ có ở Quỹ mở		422.730.000
7	Phí giao dịch chứng khoán	miễn phí	40.920.000
8	Phí dịch vụ Quản trị quỹ	không phát sinh	205.590.000
9	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	không phát sinh	176.220.000
	Tổng cộng (Mục I. II)	12.969.130.712	13.512.441.367
	% NAV	2,43%	2,53%
	Chi phí trên đơn vị quỹ	160,82	167,55

Ghi chú:

- Các chi phí tính dựa trên NAV như phí quản ký, phí lưu ký, giám sát, phí quản trị quỹ
- Các chi phí cố định như phí họp đại hội, phí kiểm toán, phí khác sử dụng số liệu thực tế của báo cáo kiểm toán 2012.
- Các chi phí dùng để tạm tính là báo phí từ tổ chức cung cấp dịch vụ là Ngân hàng Deutsche Bank AG – chi nhánh TPHCM.

PHẦN III: QUY TRÌNH VÀ THỜI GIAN CHUYỂN ĐỔI QUỸ ĐẦU TƯ VF4

11. Thời gian chuyển đổi và ngày giao dịch dự kiến CCQ mở cho nhà đầu tư

Danh mục công việc và thời gian dự kiến cho việc thực hiện chuyển đổi Quỹ đầu tư VF4 từ quỹ đóng sang quỹ mở cụ thể như sau:

Bước 1. Chuẩn bị phương án chuyển đổi và các công việc có liên quan trước khi tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường

Thực hiện từ ngày 20/5/2013 đến ngày 11/8/2013, bao gồm các nội dung chính:

1. Chiến lược Đầu tư, cơ cấu đầu tư của Quỹ chuyển đổi;
2. Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 đã được kiểm toán;
3. Thay đổi Ngân hàng giám sát, lưu ký chứng chỉ quỹ;
4. Lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ và Đại lý chuyển nhượng, Đại lý phân phối; thống nhất các quy trình làm việc và các loại phí liên quan với các Tổ chức cung cấp dịch vụ;
5. Hủy niêm yết / ngừng giao dịch để thực hiện chuyển đổi;
6. Điều lệ của Quỹ chuyển đổi.

Bước 2. Gửi các tài liệu liên quan đến Đại hội Nhà đầu tư bất thường cho Nhà đầu tư

Thực hiện hoàn tất, chậm nhất vào ngày 16/8/2013 (do theo quy định pháp luật, tài liệu Đại hội phải được cung cấp cho Nhà đầu tư tối thiểu 15 ngày trước ngày họp Đại hội).

Bước 3. Công ty quản lý quỹ công bố thời gian, chương trình và nội dung dự kiến họp trên các trang thông tin điện tử (website) của công ty quản lý quỹ và báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Thực hiện vào ngày 30/8/2013 (do theo quy định pháp luật, việc tổ chức Đại hội bất thường phải được công bố tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày họp Đại hội).

Bước 4. Tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường – ngày 6/9/2013

Tổ chức Đại hội Nhà đầu tư để thông qua nội dung chính sau:

- Thông qua Phương án chuyển đổi chi tiết;
- Thông qua việc hủy niêm yết;
- Thông qua việc hủy đăng ký chứng khoán;
- Thông qua việc thay đổi Ngân hàng giám sát, lưu ký.

Bước 5. Công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ, báo cáo UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Thực hiện hoàn tất, chậm nhất vào ngày 7/9/2013 (do theo quy định pháp luật, Nghị quyết Đại hội bất thường phải được công bố trong vòng 24 giờ sau khi ban hành).

Bước 6. Tiến hành thủ tục hủy niêm yết/ ngừng giao dịch

Thực hiện hoàn tất, chậm nhất vào ngày 21/9/2013 (do theo quy định pháp luật, công ty quản lý quỹ phải tiến hành thủ tục hủy niêm yết trong vòng 15 ngày sau khi Đại hội thông qua việc chuyển đổi).

Bước 7. Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM xem xét hồ sơ và cấp Công văn chấp thuận hủy niêm yết/ ngừng giao dịch

Thời gian có được Chấp thuận, dự kiến là ngày 1/11/2013 (do theo quy định pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM sẽ có công văn chấp thuận trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hủy niêm yết/ngừng giao dịch hợp lệ).

Theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM về thủ tục xin hủy niêm yết, Chấp thuận này dự kiến sẽ có hiệu lực khoảng sau 30 ngày kể từ ngày ký ban hành, tức dự kiến ngày giao dịch cuối cùng của nhà đầu tư (ngày cuối cùng mà nhà đầu tư thực hiện việc mua bán chứng chỉ quỹ VF4) là ngày 26/11/2013, ngày hủy niêm yết chứng chỉ quỹ là ngày 27/11/2013.

Bước 8. Tiến hành thủ tục hủy đăng ký lưu ký

Thực hiện hoàn tất trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi công ty nhận được Công văn chấp thuận hủy niêm yết/ ngừng giao dịch, dự kiến hoàn tất vào ngày 6/11/2013.

Bước 9. Trung tâm lưu ký xem xét, xử lý hồ sơ hủy đăng ký lưu ký

Theo quy định pháp luật, Trung tâm lưu ký sẽ có công văn chấp thuận trong vòng tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hủy đăng ký lưu ký hợp lệ.

Bước 10. Thực hiện thủ tục đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho Quỹ mở

Thực hiện hoàn tất thủ tục, chậm nhất vào ngày 10/11/2013 (Theo quy định pháp luật, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận Quỹ chuyển đổi trong vòng tối đa 07 (bảy) ngày kể từ ngày chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch).

Theo hướng dẫn của UBCKNN về thủ tục chuyển đổi sang quỹ mở, quỹ sẽ thực hiện kiểm toán và danh mục đầu tư, giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày giao dịch cuối cùng của Quỹ, tức tại ngày cuối cùng mà Quỹ thực hiện việc mua/ bán cho danh mục đầu tư của Quỹ trước khi ngừng giao dịch để thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ VF4. Ngày giao dịch cuối cùng của Quỹ dự kiến là ngày 17/10/2013.

Bước 11. UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

Thời gian có được Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, dự kiến là ngày 10/12/2013 (do theo quy định pháp luật, UBCKNN sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ)

Bước 12. Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức được ủy quyền thông báo cho nhà đầu tư (về ngày giao dịch, giá trị tài sản ròng, danh sách đại lý phân phối, thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ mở...)

Thực hiện hoàn tất, chậm nhất vào ngày 13/12/2013 (do theo quy định pháp luật, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày chuyển đổi)

Bước 13. Chuyển giao Sổ đăng ký nhà đầu tư, hoàn tất thủ tục điều chỉnh thông tin đăng ký sở hữu các tài sản của Quỹ

Thực hiện hoàn tất, chậm nhất vào ngày 25/12/2013 (do theo quy định pháp luật, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất chuyển giao sổ đăng ký NĐT, điều chỉnh thông tin đăng ký sở hữu tài sản của Quỹ trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển đổi)

Bước 14. Công ty quản lý quỹ tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ mở

Bắt đầu giao dịch, chậm nhất vào ngày 22/01/2014 (do theo quy định pháp luật, công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ mở trong vòng 30 ngày kể từ ngày chuyển đổi)

“Ngày” được đề cập trong Tài liệu này là “ngày làm việc” theo quy định của pháp luật có liên quan. Các mốc thời gian dự kiến được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật có liên quan, các hướng dẫn của cơ quan chức năng và giả định của công ty quản lý quỹ trong trường hợp các hồ sơ pháp lý về chuyển đổi, hủy niêm yết, hủy đăng ký chứng khoán... là đầy đủ và hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên. Các mốc thời gian này trong thực tế có thể thay đổi tùy theo các sự kiện pháp lý phát sinh, hoặc theo yêu cầu bổ sung tài liệu của cơ quan chức năng.

Bảng tóm tắt thời gian dự kiến thực hiện chuyển đổi Quỹ VF4

STT	Mô tả công việc	Thời gian dự kiến hoàn tất
1	Chuẩn bị Phương án chuyển đổi CCQ VF4	11/08/2013
2	Tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường thông qua phương án chuyển đổi và hủy niêm yết	06/09/2013
3	Công bố thông tin Nghị quyết đại hội	07/09/2013
4	Thực hiện thủ tục hủy niêm yết CCQ VF4	21/09/2013
5	HOSE xem xét hồ sơ và chấp thuận hủy niêm yết.	01/11/2013
6	Thực hiện thủ tục hủy đăng ký lưu ký	06/11/2013
7	Thực hiện thủ tục đề nghị UBCK điều chỉnh GCN đăng ký lập Quỹ mở cho Quỹ VF4	10/11/2013
8	Ngày giao dịch cuối cùng CCQ VF4	26/11/2013
9	UBCK điều chỉnh GCN đăng ký lập quỹ mở cho VF4	10/12/2013
10	Thực hiện thông báo cho NĐT về ngày giao dịch, NAV, danh sách đại lý phân phối chỉ định, thời gian giao dịch CCQ mở...	13/12/2013
11	Chuyển giao Sổ đăng ký NĐT, hoàn tất thủ tục điều chỉnh thông tin đăng ký sở hữu các tài sản của Quỹ	25/12/2013
12	Ngày giao dịch đầu tiên chứng chỉ Quỹ VFMVF4 sau khi chuyển đổi	22/01/2014

12. Phương thức chuyển đổi đối với nhà đầu tư hiện hữu

12.1 Đề xuất cách thức hoạt động của Quỹ trong quá trình chuyển đổi

Quỹ đầu tư VF4 sẽ tạm ngừng các hoạt động đầu tư trong thời gian chuyển đổi để thực hiện việc kiểm toán tài sản và đệ trình hồ sơ chuyển đổi theo quy định pháp luật. Nhằm hạn chế rủi ro thị trường và đảm bảo giữa tối ưu hoá giá trị tài sản ròng của quỹ mà vẫn đáp ứng tốt nhất nhu cầu nắm giữ tiếp tục hoặc rút vốn của nhà đầu tư, Quỹ đầu tư VF4 sẽ nắm giữ khoảng 85%-90% NAV của Quỹ là cổ phiếu và khoảng 10-15% NAV là tiền mặt từ ngày bắt đầu tạm ngừng các hoạt động đầu tư của Quỹ đến ngày Quỹ được phép thực hiện đầu tư sau khi Quỹ được chuyển đổi. Các khoản tiền của Quỹ VF4 trong giai đoạn từ sau ngày tạm ngừng các hoạt động đầu tư của Quỹ đến ngày được phép thực hiện đầu tư sau khi Quỹ được chuyển đổi sẽ được gửi dưới hình thức tiền gửi ngắn hạn hoặc tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng trong danh sách các Ngân hàng thương mại mà Quỹ đóng VF4 được gửi tiền đã được thông qua bởi Ban Đại diện Quỹ VF4.

Nếu được UBCKNN chấp thuận hoặc không có ý kiến phản đối, trong thời gian dừng các hoạt động đầu tư của Quỹ VF4, nếu có phát sinh quyền mua liên quan đến cổ phiếu Quỹ VF4 đang nắm giữ mà việc thực hiện quyền là có lợi cho nhà đầu tư tại thời điểm thực hiện thì công ty VFM được phép thực hiện quyền để đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ VFMVF4.

12.2 Tỷ lệ chuyển đổi

- Tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, tương ứng với 1 (một) chứng chỉ quỹ đóng đổi lấy 1 (một) chứng chỉ quỹ mở.

12.3 Ghi nhận tài sản của nhà đầu tư sau chuyển đổi

Tài sản của nhà đầu tư sau chuyển đổi được tính bằng tổng số lượng chứng chỉ quỹ mở nhà đầu tư đang nắm giữ nhân với giá trị NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV gần nhất sau khi chuyển đổi.

13. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với NAV của danh mục đầu tư trong quá trình thực hiện chuyển đổi

Công ty quản lý quỹ được miễn trừ trách nhiệm đối với việc thay đổi NAV của danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VF4 do ảnh hưởng của thị trường trong suốt thời gian từ ngày bắt đầu tạm ngừng các hoạt động đầu tư của Quỹ đến ngày Quỹ được phép thực hiện đầu tư sau khi Quỹ được chuyển đổi.

14. Phương án giải quyết quyền lợi của nhà đầu tư

Trong thực tế, để Quyết định hủy bỏ niêm yết đối với một chứng khoán được lưu ký thì một công ty phải trình được Phương án giải quyết quyền lợi cho nhà đầu tư một cách hợp lý và thỏa đáng. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đối với các công ty cổ phần, cổ đông biểu quyết phản đối Quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Tuy nhiên, theo khoản 31 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006, "Quỹ đóng là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư". Do đó, phương án giải quyết quyền lợi đối với các nhà đầu tư phản đối quyết định Đại hội nhà đầu tư về việc thông qua phương án chuyển đổi chi tiết sẽ được thực hiện sau khi đã hoàn tất chuyển đổi quỹ đóng sang quỹ mở, cụ thể là:

"Nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ VF4 sẽ thực hiện chuyển đổi chứng chỉ quỹ đóng mà mình đang sở hữu sang chứng chỉ quỹ mở của Quỹ chuyển đổi theo đúng tỷ lệ và thời gian như quy định trong Phương án chuyển đổi đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Đối với các nhà đầu tư phản đối Quyết định chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở và Phương án chuyển đổi của Đại hội nhà đầu tư, việc công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ chỉ được phép thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở. Việc mua lại chứng chỉ quỹ và cơ chế xác định giá, khối lượng mua được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính".

PHẦN IV: CÁC RỦI RO CÓ THỂ PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI

15. Các rủi ro trong quá trình chuyển đổi mà nhà đầu tư cần biết và thông qua

15.1 Rủi ro về tiến độ chuyển đổi

Tuy đã có quy định pháp luật hướng dẫn về việc chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở (Thông tư 183/2011/TT-BTC), nhưng do có thể phát sinh một số vấn đề nằm ngoài dự kiến của công ty quản lý quỹ trong quá trình thực hiện chuyển đổi quỹ. Các vấn đề phát sinh có thể làm kéo dài thời gian chuyển đổi của quỹ.

15.2 Rủi ro về biến động thị trường trong thời gian ngừng giao dịch

Trong quá trình chuyển đổi, từ khi hủy niêm yết chứng chỉ quỹ đóng tới khi giao dịch lại chứng chỉ quỹ mở, nhà đầu tư tham gia chuyển đổi không được giao dịch chứng chỉ quỹ. Nếu trong thời gian dừng giao dịch và Đại hội nhà đầu tư thông qua phương án Quỹ đầu tư VF4 nắm giữ một phần danh mục (khoảng 85%-90% NAV) là cổ phiếu tại ngày giao dịch cuối cùng của danh mục đầu tư của Quỹ và trong suốt quá trình chuyển đổi, thị trường có biến động giảm sẽ làm ảnh hưởng tới NAV của quỹ và do đó sẽ ảnh hưởng tới giá trị sở hữu của nhà đầu tư.

PHẦN V: PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ SAU CHUYỂN ĐỔI

16. Phương thức giao dịch theo mô hình Quỹ mở của Quỹ chuyển đổi

16.1 Chuyển đổi việc quản lý tài khoản và sở hữu chứng chỉ quỹ VF4 cho nhà đầu tư sau khi chuyển đổi.

Sau khi chứng chỉ quỹ VF4 chính thức được huỷ niêm yết và huỷ đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu Ký Thành phố Hồ Chí Minh, chứng chỉ quỹ VF4 sẽ tự động huỷ đăng ký trong tài khoản giao dịch cá nhân của nhà đầu tư tại công ty chứng khoán.

Nhà đầu tư sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở VFMVF4 theo thông báo hướng dẫn của công ty quản lý quỹ VFM sau khi Quỹ VFMVF4 được chuyển sang quỹ mở chính thức. Số lượng chứng chỉ quỹ VF4 mà nhà đầu tư sở hữu sẽ được ghi nhận tại tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở của nhà đầu tư

16.2 Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

16.2.1 Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ mở sau khi hoàn tất việc chuyển đổi

Ngày giao dịch đầu tiên sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận chuyển đổi Quỹ VF4 sang quỹ mở có hiệu lực. Tần suất giao dịch được tổ chức định kỳ 2 (hai) lần trong 1 (một) tháng. Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lần đầu tiên có thể được thay đổi so với lịch giao dịch định kỳ. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp lễ tết hoặc có thay đổi ngày giao dịch lần đầu tiên trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

16.2.2 Thời điểm đóng sổ lệnh

Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận Phiếu lệnh đặt mua/bán/chuyển đổi chứng chỉ quỹ và xác nhận tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư đã được chuyển vào tài khoản phong toả của Quỹ để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

16.2.3 Phương thức giao dịch:

- Đối với nhà đầu tư mới lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ, nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Nhà đầu tư trực tiếp đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 thông qua hệ thống đại lý phân phối chỉ định.
- Lệnh giao dịch phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trước thời điểm đóng sổ lệnh. Lệnh mua được gửi kèm theo chứng từ hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được ngân hàng giám sát xác nhận về việc đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư.
- Tiền mua chứng chỉ quỹ được thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát.
- Lệnh bán chỉ được thực hiện khi tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng hoặc Đại lý phân phối xác nhận nhà đầu tư có đủ số lượng chứng chỉ quỹ bán.
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định.
- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi quỹ khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật.

16.2.4 Hủy lệnh giao dịch:

Các lệnh giao dịch (mua, bán, chuyển đổi) có thể được huỷ trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Việc thực hiện hủy lệnh sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là không có hiệu lực.

16.3 Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Giá giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVF4 sẽ được xác định tại ngày giao dịch và công bố đến nhà đầu tư theo quy định.
- Giá giao dịch một đơn vị quỹ được xác định như sau:
 - ❖ Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ được chuyển đổi: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ.
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ.
 - ❖ Giá mua lại: là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi phí mua lại.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được xác định hàng tuần và được công bố đến nhà đầu tư theo quy định.

16.4 Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

16.4.1 Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
- Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng.
- Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh bán của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVF4 bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

16.4.2 Đối với việc thực hiện một phần lệnh bán và chuyển đổi theo quy định tại khoản 16.4.1 nêu trên, công ty quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ.

16.4.3 Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.

Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định trên, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

16.5 Xác nhận giao dịch chứng chỉ quỹ

Thông tin về giao dịch sở hữu sau mỗi kỳ giao dịch của nhà đầu tư sẽ được thông báo sau khi kết thúc giao dịch chứng chỉ quỹ.

16.6 Đại lý phân phối

Hệ thống Đại lý phân phối sẽ được công ty Quản lý quỹ VFM chỉ định và được nêu trong Bản cáo bạch mới của Quỹ VFMVF4 (Quỹ chuyển đổi).

16.7 Sự khác biệt giữa giao dịch theo mô hình quỹ đóng và quỹ mở

	Quỹ mở	Quỹ đóng
Giao dịch chứng chỉ quỹ	Giao dịch trực tiếp với Công ty Quản lý Quỹ sau khi phát hành	Giao dịch trực tiếp trên sàn giao dịch sau khi phát hành
Phương thức đặt lệnh	Đặt lệnh thông qua Đại lý phân phối được chỉ định bởi Công ty Quản lý Quỹ	Đặt lệnh thông qua các công ty chứng khoán mà NĐT có tài khoản giao dịch chứng khoán
Lưu ký chứng chỉ quỹ	Lưu ký tại Đại lý Chuyển Nhượng	Lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán
Giao dịch mua	Hàng ngày hoặc định kỳ	Tại thời điểm phát hành Quỹ
Giao dịch bán	Hàng ngày hoặc định kỳ	Tại thời điểm đóng Quỹ
Giao dịch chuyển đổi	Cho phép	Không cho phép
Lệnh đặt mua	Đặt mua bằng tiền	Đặt mua bằng số lượng chứng chỉ quỹ
Lệnh đặt bán	Đặt bán bằng số lượng	Đặt bán bằng số lượng
Giá giao dịch	-Giao dịch tại NAV -Tại thời điểm đặt lệnh, NAV chưa được công bố	-Giao dịch theo giá thị trường -Giá giao dịch được niêm yết trên sàn giao dịch (real time)
Định giá NAV	Hàng ngày hoặc định kỳ cho mục đích giao dịch (mua/bán/chuyển đổi)	Định kỳ
Tình trạng niêm yết	Không niêm yết	Niêm yết trên một sàn giao dịch
Chiết khấu giá giao dịch/NAV	Không có chiết khấu	Có thể có chiết khấu cao
Thanh khoản	Bất kỳ lúc nào cũng giao dịch được với CTQLQ	Có thể không giao dịch được nếu thị trường mất thanh khoản

16.8 Nội dung chi tiết của Bản cáo bạch:

Các thông tin khác về quy trình thực hiện chi tiết sẽ được tham chiếu tới Bản cáo bạch của Quỹ VFMVF4 (Quỹ chuyển đổi).

PHẦN VI: KẾT LUẬN

Với việc phân tích kỹ lưỡng thị trường, cơ hội và năng lực hiện tại, việc chuyển đổi Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam từ Quỹ đóng thành Quỹ mở là phù hợp với các quy định hiện hành và tạo ra động lực mới để Quỹ tiếp tục phát triển, tiếp tục có các đóng góp mới vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 3: Việc hủy niêm yết của Quỹ đầu tư VF4 và phương án giải quyết quyền lợi cho Nhà đầu tư

Đại hội thông qua việc hủy niêm yết của Quỹ đầu tư VF4, Phương án giải quyết quyền lợi cho Nhà đầu tư nêu ở Mục 14 của Phương án chuyển đổi chi tiết trên và giao cho Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện việc hủy niêm yết này với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4: Việc hủy đăng ký chứng khoán của Chứng chỉ quỹ VFMVF4

Đại hội thông qua việc hủy đăng ký chứng khoán của Chứng chỉ quỹ VFMVF4 và giao cho Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện việc hủy đăng ký chứng khoán này với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5: Việc thay đổi Ngân hàng giám sát lưu ký cho Quỹ chuyển đổi VFMVF4 và Hợp đồng lưu ký, giám sát cho Quỹ chuyển đổi VFMVF4

Đại hội thông qua việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ Lưu ký, giám sát với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC, và chọn Ngân hàng Deutsche Bank AG – chi nhánh Tp.HCM là Ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ chuyển đổi VFMVF4 kể từ sau ngày UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ VF4, đồng thời thông qua Hợp đồng lưu ký, giám sát cho Quỹ chuyển đổi VFMVF4

Điều 6: Thông qua Điều lệ Quỹ chuyển đổi VFMVF4

Đại hội thông qua Điều lệ Quỹ chuyển đổi VFMVF4 gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục, và Điều lệ Quỹ sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ VF4.

Điều 7: Về việc chỉnh sửa Điều lệ Quỹ phát sinh trong thời gian Ủy ban chứng khoán nhà nước xem xét Hồ sơ chuyển đổi Quỹ

Trong thời gian Ủy ban chứng khoán nhà nước xem xét Hồ sơ chuyển đổi Quỹ, ngoài các nội dung chỉnh sửa Điều lệ nêu ở mục 6 trên, Đại hội nhà đầu tư đồng ý ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua các nội dung chỉnh sửa Điều lệ Quỹ phát sinh khác (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật nhằm hoàn chỉnh Hồ sơ chuyển đổi Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Đại hội nhà đầu tư đồng ý ủy quyền cho Công ty quản lý quỹ thực hiện việc chỉnh sửa đã được Ban đại diện thông qua để nộp bổ sung Hồ sơ chuyển đổi Quỹ.

Công ty quản lý quỹ phải thực hiện công bố thông tin theo luật định và báo cáo lại toàn bộ nội dung chỉnh sửa Điều lệ phát sinh cho Nhà đầu tư tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Các nội dung chỉnh sửa Điều lệ phát sinh sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ VFMVF4.

Điều 8: Bầu Ban Đại diện Quỹ chuyển đổi VFMVF4 nhiệm kỳ 2013 – 2016

Đại hội thống nhất thông qua Toàn bộ cơ cấu của Ban đại diện Quỹ trước khi chuyển đổi sẽ là Ban đại diện Quỹ sau khi chuyển đổi – Quỹ VFMVF4 – có nhiệm kỳ 2013 – 2016.

Như vậy, danh sách Ban đại diện Quỹ chuyển đổi VFMVF4 nhiệm kỳ 2013 – 2016, như sau:

1. Chủ tịch : Ông Đặng Thái Nguyên
2. Phó Chủ tịch : Bà Đỗ Thị Đức Minh
3. Phó Chủ tịch : Ông Trần Thiên Hà
4. Thành viên : Ông Huỳnh Văn Thôn
5. Thành viên : Ông Lê Trung Thành
6. Thành viên : Ông Hoàng Kiên
7. Thành viên : Ông Nguyễn Kim Long

Ban đại diện Quỹ đầu tư VFMVF4 nhiệm kỳ 2013 – 2016 sẽ kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ trước khi chuyển đổi.

Điều 9: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. Đại hội nhà đầu tư

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ


ĐẶNG THÁI NGUYÊN


Đại diện Công ty quản lý Quỹ
Tổng Giám đốc
CÔNG TY QUẢN LÝ
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ
VIỆT NAM
TRẦN THANH TÂN